

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUẨN HÓA ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3-5
KỶ THI NGÀY 14/4/2026**

Địa điểm thi: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng)
Thời gian thi **13h00- 17h30**

* Thí sinh có mặt tại phòng thi 15 phút trước giờ thi

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
1	UFLS001	Hồ Lê An	412220214	03.10.2004	22CNATMCLC02	13h00	A401
2	UFLS002	Phan Diệu Ân	411230424	25.12.2005	23CNA11	13h00	A401
3	UFLS003	Trần Ngọc Thiên Ân	412220240	05.04.2004	22CNATMCLC03	13h00	A401
4	UFLS004	Dương Mỹ Phương Anh	411230463	10.01.2005	23CNA12	13h00	A401
5	UFLS005	Lê Phương Anh	411230539	11.11.2005	23CNA14	13h00	A401
6	UFLS006	Lê Thị Phương Anh	411220384	20.11.2004	22CNA01	13h00	A401
7	UFLS007	Nguyễn Nhật Lan Anh	411230190	21.11.2005	23CNA05	13h00	A401
8	UFLS008	Nguyễn Thị Trâm Anh	411220509	02.02.2004	22CNATT02	13h00	A401
9	UFLS009	Trần Thị Phương Anh	412230042	05.12.2005	23CNADL02	13h00	A401
10	UFLS010	Trương Công Anh	411220041	01.08.2004	22CNA02	13h00	A401
11	UFLS011	Mai Thị Ngọc Ánh	411230540	05.03.2005	23CNA14	13h00	A401
12	UFLS012	Nguyễn Bá Nhật Ánh	412220189	19.07.2004	22CNATMCLC01	13h00	A401
13	UFLS013	Ông Thị Ngọc Ánh	411230114	30.10.2005	23CNA03	13h00	A401
14	UFLS014	Trần Thị Ngọc Ánh	412220270	08.05.2004	22CNATMCLC04	13h00	A401
15	UFLS015	Nguyễn Ngọc Bảo	412220149	28.10.2004	22CNATM02	13h00	A401
16	UFLS016	Phạm Nguyên Bình	412220296	18.09.2004	22CNATMĐT01	13h00	A401
17	UFLS017	Thái Linh Chi	411220195	11.02.2004	22CNA06	13h00	A401
18	UFLS018	Đặng Thị Kim Chung	414220042	13.10.2004	22CNNDL01	13h00	A401
19	UFLS019	Bạch Hoàng Khánh Đan	412220271	04.09.2004	22CNATMCLC04	13h00	A401
20	UFLS020	Trần Nguyễn Thanh Đan	412230289	15.06.2005	23CNATMĐT01	13h00	A401
21	UFLS021	Bùi Thúy Diễm	412220190	24.06.2004	22CNATMCLC01	13h00	A401
22	UFLS022	Nguyễn Thị Thu Diễm	411230504	10.08.2005	23CNA13	13h00	A401
23	UFLS023	Nguyễn Dương Văn Định	411230467	04.07.2005	23CNA12	13h00	A401
24	UFLS024	Võ Quang Dự	411220045	12.08.2004	22CNA02	13h00	A401
25	UFLS025	Hoàng Phương Dung	411220197	23.08.2004	22CNA06	13h00	A401
26	UFLS026	Đặng Hồng Duyên	411230274	16.08.2005	23CNA07	13h00	A401
27	UFLS027	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	411230079	05.04.2005	23CNA02	13h00	A402
28	UFLS028	Phạm Thị Thùy Duyên	411230196	19.11.2004	23CNA05	13h00	A402
29	UFLS029	Phạm Thị Trường Giang	411220047	06.05.2004	22CNA02	13h00	A402
30	UFLS030	Trần Võ Thu Hà	412220153	07.05.2004	22CNATM02	13h00	A402
31	UFLS031	Võ Thị Kim Hân	411230353	11.12.2005	23CNA09	13h00	A402
32	UFLS032	Mai Thị Thanh Hạnh	412230127	24.06.2005	23CNATM01	13h00	A402
33	UFLS033	Nguyễn Minh Hiền	411220392	05.04.2004	22CNA01	13h00	A402
34	UFLS034	Trần Hiền	412210009	01.12.2003	21CNADL01	13h00	A402
35	UFLS035	Nguyễn Tiến Hiệu	411220239	13.11.2004	22CNA07	13h00	A402
36	UFLS036	Trần Khánh Hòa	412230295	19.08.2005	23CNATMĐT01	13h00	A402
37	UFLS037	Nguyễn Thị Khánh Hồng	411220164	08.10.2004	22CNA05	13h00	A402

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
38	UFLS038	Lê Gia	Huệ	412220008	16.01.2004	22CNADL01	13h00	A402
39	UFLS039	Nguyễn Thanh	Hưng	416230079	15.05.2005	23CNQTH01	13h00	A402
40	UFLS040	Phan Thanh	Huyền	412220050	04.07.2004	22CNADL02	13h00	A402
41	UFLS041	Trịnh Thu	Huyền	411230046	18.01.2005	23CNA01	13h00	A402
42	UFLS042	Lê Nguyễn Hoài	Khanh	416220186	11.05.2004	22CNQTHCLC01	13h00	A402
43	UFLS043	Võ Thị Xuân	Kiều	411230085	27.01.2005	23CNA02	13h00	A402
44	UFLS044	Lê Thục	Lam	412220159	10.09.2004	22CNATM02	13h00	A402
45	UFLS045	Nguyễn Phước Quỳnh	Lam	416220188	16.04.2004	22CNQTHCLC01	13h00	A402
46	UFLS046	Nguyễn Thị Phương	Lan	412230255	18.02.2005	23CNATM04	13h00	A402
47	UFLS047	Nguyễn Thị Quỳnh	Lê	411230163	15.04.2005	23CNA04	13h00	A402
48	UFLS048	Lê Thị	Linh	411230553	13.06.2005	23CNA14	13h00	A402
49	UFLS049	Lê Thị Linh	Linh	412220278	08.11.2004	22CNATMCLC04	13h00	A402
50	UFLS050	Ngô Thị Mỹ	Linh	411220054	10.08.2004	22CNA02	13h00	A402
51	UFLS051	Nguyễn Diễm Khánh	Linh	411230050	29.05.2005	23CNA01	13h00	A402
52	UFLS052	Lê Thị	Linh	411220245	04.05.2004	22CNA07	13h00	A402
53	UFLS053	Trần Phước	Lộc	411230204	05.11.2005	23CNA05	13h00	A403
54	UFLS054	Nguyễn Hoàng	Long	411230283	15.11.2005	23CNA07	13h00	A403
55	UFLS055	Lê Huỳnh Khánh	Ly	417220051	07.02.2004	22CNH02	13h00	A403
56	UFLS056	Nguyễn Thị Mai	Ly	411230361	09.01.2005	23CNA09	13h00	A403
57	UFLS057	Võ Thị Mỹ	Ly	412230018	25.11.2005	23CNADL01	13h00	A403
58	UFLS058	Phạm Hồ Nhật	Mai	411230669	25.07.2004	23CNATT02	13h00	A403
59	UFLS059	Phạm Tuệ	Minh	411230629	09.03.2005	23CNATT01	13h00	A403
60	UFLS060	Phan Thị	Minh	412220306	01.01.2004	22CNATMĐT01	13h00	A403
61	UFLS061	Trần Thị Trà	My	417220182	25.09.2004	22CNJ02	13h00	A403
62	UFLS062	Hồ Thị Hoàn	Mỹ	411220209	15.02.2004	22CNA06	13h00	A403
63	UFLS063	Võ Ngọc Thoại	Mỹ	411230630	10.11.2005	23CNATT01	13h00	A403
64	UFLS064	Hoàng Thị Diệu	Na	412230138	01.11.2005	23CNATM01	13h00	A403
65	UFLS065	Lê Thị Ngọc	Na	411230363	13.09.2005	23CNA09	13h00	A403
66	UFLS066	Trần Thị Lê	Na	411220247	03.02.2004	22CNA07	13h00	A403
67	UFLS067	Võ Thị Kiều	Na	412220015	05.03.2004	22CNADL01	13h00	A403
68	UFLS068	Nguyễn Văn	Nam	416220156	24.10.2004	22CNQTH02	13h00	A403
69	UFLS069	Đặng Phương	Ngân	416220157	09.05.2004	22CNQTH02	13h00	A403
70	UFLS070	Dương Thị	Ngân	412220256	07.07.2004	22CNATMCLC03	13h00	A403
71	UFLS071	Phan Nguyễn Bảo	Ngân	412220255	15.05.2004	22CNATMCLC03	13h00	A403
72	UFLS072	Phan Thanh	Ngân	411230364	06.12.2005	23CNA09	13h00	A403
73	UFLS073	Phan Thị Tuyết	Ngân	412220283	26.01.2004	22CNATMCLC04	13h00	A403
74	UFLS074	Trần Thị Tuyết	Ngân	411220362	16.06.2004	22CNA10	13h00	A403
75	UFLS075	Võ Thị Thanh	Ngân	411220426	19.11.2004	22CNACLC02	13h00	A403
76	UFLS076	Hoàng Thị	Nghĩa	415230071	08.03.2005	23CNT01	13h00	A403
77	UFLS077	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	411230169	02.11.2005	23CNA04	13h00	A403
78	UFLS078	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	411220288	15.06.2004	22CNA08	13h00	A403
79	UFLS079	Nguyễn Trần Bảo	Nguyên	412230139	31.03.2005	23CNATM01	13h00	B401
80	UFLS080	Trần Thanh	Nguyệt	412220169	06.04.2004	22CNATM02	13h00	B401

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
81	UFLS081	Nguyễn Thị Ái Nhân	411230288	30.07.2005	23CNA07	13h00	B401
82	UFLS082	Phan Minh Bảo Nhân	416230094	01.09.2005	23CNQTH01	13h00	B401
83	UFLS083	Lê Phan Hoàng Nhật	412230140	04.12.2005	23CNATM01	13h00	B401
84	UFLS084	Phan Xuân Nhật	411230558	17.08.2005	23CNA14	13h00	B401
85	UFLS085	Dư Uyên Nhi	412230224	25.11.2005	23CNATM03	13h00	B401
86	UFLS086	Lê Thị Thảo Nhi	412220059	08.03.2004	22CNADL02	13h00	B401
87	UFLS087	Lê Thị Yến Nhi	412230191	21.09.2005	23CNATM02	13h00	B401
88	UFLS088	Nguyễn Thị Khánh Nhi	412220019	02.02.2004	22CNADL01	13h00	B401
89	UFLS089	Nguyễn Thị Yến Nhi	412220311	01.10.2003	22CNATMĐT01	13h00	B401
90	UFLS090	Nguyễn Thị Yến Nhi	411230636	08.10.2005	23CNATT01	13h00	B401
91	UFLS091	Phạm Thị Yến Nhi	412220020	11.10.2004	22CNADL01	13h00	B401
92	UFLS092	Trần Quý Nhi	412230062	20.08.2005	23CNADL02	13h00	B401
93	UFLS093	Trần Thị Nhi	412220203	13.05.2004	22CNATMCLC01	13h00	B401
94	UFLS094	Trịnh Thị Thảo Nhi	412230227	31.07.2005	23CNATM03	13h00	B401
95	UFLS095	Võ Yến Nhi	411230250	20.07.2005	23CNA06	13h00	B401
96	UFLS096	Đào Thùy Nhiên	411230289	02.09.2005	23CNA07	13h00	B401
97	UFLS097	Huỳnh Phạm Quỳnh Như	411230406	14.01.2005	23CNA10	13h00	B401
98	UFLS098	Lê Thị Ngọc Như	412220062	18.05.2004	22CNADL02	13h00	B401
99	UFLS099	Dương Phương Nhung	412220022	06.08.2004	22CNADL01	13h00	B401
100	UFLS100	Hoàng Thị Cẩm Nhung	412220314	23.11.2004	22CNATMĐT01	13h00	B401
101	UFLS101	Huỳnh Thị Yến Ny	411230211	10.05.2005	23CNA05	13h00	B401
102	UFLS102	Nguyễn Thị Kiều Oanh	412220171	14.06.2004	22CNATM02	13h00	B401
103	UFLS103	Lê Hoàng Nhật Phi	411220102	02.09.2004	22CNA03	13h00	B401
104	UFLS104	Lê Nguyễn Anh Phúc	411230639	29.10.2005	23CNATT01	13h00	B401
105	UFLS105	Nguyễn Thiên An Phúc	412220260	29.02.2004	22CNATMCLC03	13h00	B402
106	UFLS106	Trần Nguyễn Hoàng Phúc	411230291	13.09.2005	23CNA07	13h00	B402
107	UFLS107	Nguyễn Thị Thu Phương	411230135	25.05.2005	23CNA03	13h00	B402
108	UFLS108	Trần Nguyễn Nhã Phương	411230174	14.09.2005	23CNA04	13h00	B402
109	UFLS109	Trần Thị Hoài Phương	411230213	07.10.2005	23CNA05	13h00	B402
110	UFLS110	Giã Khánh Quang	411230448	20.10.2005	23CNA11	13h00	B402
111	UFLS111	Bùi Anh Quốc	411230562	13.12.2005	23CNA14	13h00	B402
112	UFLS112	Nguyễn Phương Quyên	411230136	04.06.2005	23CNA03	13h00	B402
113	UFLS113	Nguyễn Thị Thảo Quyên	411230642	31.10.2005	23CNATT01	13h00	B402
114	UFLS114	Nguyễn Như Quỳnh	411230449	24.08.2005	23CNA11	13h00	B402
115	UFLS115	Thái Cẩm Quỳnh	412220066	10.08.2004	22CNADL02	13h00	B402
116	UFLS116	Võ Thị Thúy Quỳnh	411230137	09.07.2005	23CNA03	13h00	B402
117	UFLS117	Trần Nguyễn Tuệ San	411220143	24.06.2004	22CNA04	13h00	B402
118	UFLS118	Lê Thị Sang	411220181	20.06.2004	22CNA05	13h00	B402
119	UFLS119	Mai Văn Tài	411220256	22.09.2004	22CNA07	13h00	B402
120	UFLS120	Lê Thị Thanh Tâm	411230372	03.09.2005	23CNA09	13h00	B402
121	UFLS121	Nguyễn Nho Thảo Tâm	412220289	06.06.2004	22CNATMCLC04	13h00	B402
122	UFLS122	Mai Thị Thắm	411220535	25.07.2004	22CNATT02	13h00	B402
123	UFLS123	Lê Phương Thảo	411220497	23.02.2004	22CNATT01	13h00	B402

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
124	UFLS124	Nguyễn Thị Kim	Thảo	412220235	19.08.2004	22CNATMCLC02	13h00	B402
125	UFLS125	Nguyễn Thị Phương	Thảo	411220182	17.05.2004	22CNA05	13h00	B402
126	UFLS126	Phan Thị Thu	Thảo	412230070	12.08.2005	23CNADL02	13h00	B402
127	UFLS127	Trần Đào Phương	Thảo	411220259	06.10.2004	22CNA07	13h00	B402
128	UFLS128	Nguyễn Hoàng Quốc	Thịnh	411230179	31.01.2005	23CNA04	13h00	B402
129	UFLS129	Nguyễn Thị Hồng	Thoa	411220373	03.08.2004	22CNA10	13h00	B402
130	UFLS130	Đỗ Hà Anh	Thư	412220209	27.09.2004	22CNATMCLC01	13h00	B402
131	UFLS131	Lê Trần Anh	Thư	412220031	18.09.2004	22CNADL01	13h00	C404
132	UFLS132	Huỳnh Thị Hoài	Thương	412230151	15.10.2005	23CNATM01	13h00	C404
133	UFLS133	Lê Phạm Hoài	Thương	412220210	21.11.2004	22CNATMCLC01	13h00	C404
134	UFLS134	Nguyễn Lê Diệu	Thúy	411220148	29.03.2004	22CNA04	13h00	C404
135	UFLS135	Nguyễn Thanh	Thúy	412210074	18.02.2003	21CNADL02	13h00	C404
136	UFLS136	Đào Phương	Thùy	411220433	28.04.2004	22CNA02	13h00	C404
137	UFLS137	Lê Thị Thanh	Thùy	411230454	12.11.2005	23CNA11	13h00	C404
138	UFLS138	Trần Thị Bích	Thùy	416220172	11.12.2004	22CNQTH02	13h00	C404
139	UFLS139	Châu Ngọc Thủy	Tiên	411230569	04.07.2005	23CNA14	13h00	C404
140	UFLS140	Nguyễn Thanh	Tiên	412210035	05.07.2003	21CNADL01	13h00	C404
141	UFLS141	Lê Thị Huyền	Trâm	411230649	15.08.2005	23CNATT01	13h00	C404
142	UFLS142	Lê Nguyễn Bảo	Trân	411220542	25.08.2004	22CNATT02	13h00	C404
143	UFLS143	Đỗ Thị Thu	Trang	419230023	03.10.2005	23SPA01	13h00	C404
144	UFLS144	Đoàn Thị Kiều	Trang	411220074	15.05.2004	22CNA02	13h00	C404
145	UFLS145	Lê Thị Thủy	Trang	411230571	19.09.2005	23CNA14	13h00	C404
146	UFLS146	Lưu Thị Thu	Trang	411230609	12.11.2005	23CNA15	13h00	C404
147	UFLS147	Nguyễn Đức Quỳnh	Trang	411230378	16.03.2005	23CNA09	13h00	C404
148	UFLS148	Nguyễn Lê Tuyết	Trinh	412220036	23.02.2004	22CNADL01	13h00	C404
149	UFLS149	Phan Nguyễn Tú	Trinh	411220436	26.04.2004	22CNA02	13h00	C404
150	UFLS150	Trần Nguyễn Tú	Trinh	412220328	04.10.2004	22CNATMĐT01	13h00	C404
151	UFLS151	Lê Văn	Trực	411230497	01.09.2005	23CNA12	13h00	C404
152	UFLS152	Lê Tất Đan	Trường	412230237	13.02.2005	23CNATM03	13h00	C404
153	UFLS153	Huỳnh Cẩm	Tú	412230198	12.01.2005	23CNATM02	13h00	C404
154	UFLS154	Võ Thanh	Tuyền	412220078	01.04.2004	22CNADL02	13h00	C404
155	UFLS155	Đặng Thị	Tuyết	411220466	06.01.2004	22CNA02	13h00	C404
156	UFLS156	Nguyễn Phương	Uyên	411230574	10.12.2004	23CNA14	13h00	C404
157	UFLS157	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	412230079	28.12.2005	23CNADL02	13h00	C404
158	UFLS158	Nguyễn Thị Phương	Uyên	417230217	14.10.2005	23CNJTM01	13h00	C404
159	UFLS159	Trần Đỗ Tố	Uyên	412220267	14.12.2004	22CNATMCLC03	13h00	C404
160	UFLS160	Trần Lê Bảo	Uyên	411230304	23.12.2005	23CNA07	13h00	C404
161	UFLS161	Võ Như Ngọc	Uyên	411220304	05.10.2004	22CNA08	13h00	C404
162	UFLS162	Trương Thị Thanh	Vân	411230575	22.02.2005	23CNA14	13h00	C404
163	UFLS163	Nguyễn Thị Kim	Vi	411230613	22.08.2005	23CNA15	13h00	C404
164	UFLS164	Võ Thị Tường	Vi	412220330	07.01.2004	22CNATMĐT01	13h00	C404
165	UFLS165	Nguyễn Hồng	Vinh	411220381	20.07.2004	22CNA10	13h00	C404
166	UFLS166	Hoàng Thị	Vinh	412220145	19.04.2004	22CNATM01	13h00	C404

TT	SBD	Họ và tên		Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
167	UFLS167	Nguyễn Thị Tường	Vy	411220230	15.09.2004	22CNA06	13h00	C404
168	UFLS168	Nguyễn Thúy	Vy	412230281	20.07.2005	23CNATM04	13h00	C404
169	UFLS169	Hoàng Văn	Ý	411220469	28.10.2004	22CNA06	13h00	C404
170	UFLS170	Đỗ Thị Thu	Yên	411220382	09.02.2004	22CNA10	13h00	C404
171	UFLS171	Trình Thị Hồng	Yên	411230267	10.06.2005	23CNA06	13h00	C404